TỔNG CỤC HẢI QUAN
CỤC HẢI QUAN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Số: 325 /QĐ - HQĐNg

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 5 năm 2019

CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 30
Ngày 03 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

CỤC TRƯỞNG CỤC HẢI QUAN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 39 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/4/2016; Luật số 106/2016/QH13 ngày 06/4/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thuế Giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế;

Căn cứ khoản 3 Điều 33 Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế;

Căn cứ khoản 1 Điều 3 Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật số 106/2016/QH13 ngày 06/4/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; Nghị định 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu;

Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015;

Căn cứ Quyết định số 224/QĐ-HQĐNg ngày 28/03/2019 của Cục Hải quan thành phố Đà Nẵng về việc giao quyền quyết định thực hiện kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan và trụ sở người khai hải quan;

Trên cơ sở Bản kết luận kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan, xét đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan về việc xử lý kết quả kiểm tra đối với Tổng Công ty cổ phần y tế Danameco, mã số thuế: 0400102101 theo quyết định số 149/QĐ-HQĐNg ngày 04/03/2019 của Cục Hải quan thành phố Đà Nẵng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ấn định thuế đối với các mặt hàng nhập khẩu thuộc các tờ khai (cụ thể theo bảng kê chi tiết đính kèm) của Tổng Công ty cổ phần y tế Danameco, mã số thuế: 0400102101.

Địa chỉ: Số 12, đường Trịnh Công Sơn, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Lý do ấn định thuế: Tổng Công ty cổ phần y tế Danameco khai báo sai về mã số, thuế suất hàng nhập khẩu theo loại hình nhập kinh doanh; chênh lệch nguyên phụ liệu giữa thực tế tồn kho theo sổ sách kế toán với khai báo trên hồ sơ hải quan.

Điều 3. Số tiền thuế ấn định:

STT	Loại thuế	Tiểu mục	Số tiền thuế phải nộp (VNĐ)			Số tiền thuế đã nộp (VNĐ)	Số tiền thuế còn phải nộp (VNĐ)
			Số tiền thuế đã kê khai	Số tiền thuế ấn định	Chênh lệch sau ấn định		
1	Thuế nhập khẩu	1901	68.038.756	136.203.236	68.164.480	68.038.756	68.164.480
2	Thuế giá trị gia tăng	1702	699.054.755	1.220.571.092	521.516.337	699.054.755	521.516.337
3	**Tổng cộng**		**767.093.511**	**1.356.774.328**	**589.680.817**	**767.093.511**	**589.680.817**

Tổng số tiền thuế còn phải nộp bằng chữ: Năm trăm tám mươi chín triệu, sáu trăm tám mươi ngàn, tám trăm mười bảy đồng.

Điều 4. Tổng Công ty cổ phần y tế Danameco có trách nhiệm nộp đủ số tiền thuế phải nộp nêu tại Điều 3 Quyết định này, tiền chậm nộp (nếu có) theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế vào tài khoản **7111.0.2995056.00000** của Chi cục Kiểm tra sau thông quan tại Kho bạc Nhà nước Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Thời hạn nộp thuế đối với số tiền thuế ấn định được tính từ ngày thông quan hoặc giải phóng hàng./.

Nơi nhận:
- Tổng Công ty cổ phần y tế Danameco;
- Cục KTSTQ (để b/cáo);
- Lưu: VT, KTSTQ (03b).

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC HẢI QUAN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Đào Thế Nhựt

BẢNG TỔNG HỢP CÁC MẶT HÀNG KHAI SAI MÃ SỐ, THUẾ SUẤT

(Phụ lục I kèm theo Quyết định ấn định thuế số 325/QĐ-HQĐNg ngày 02/5/2019)

STT	Số tờ khai	Ngày đăng ký	Ngày thông quan	Tên hàng	Phần khai báo của DN		Số tiền thuế phải nộp		Số tiền thuế còn phải nộp		Ghi chú
					Tiền Thuế NK đã nộp	Tiền Thuế VAT đã nộp	Tiền thuế NK	Tiền thuế VAT	Tiền thuế NK	Tiền thuế VAT	
1	100539137532/A11/34CE	4/9/2015	8/9/2015	Gạc hút nước tẩy trắng 26x18, 40/40s, khổ 120cm x 2000m, gấp 2 biên, có 1 sợi cản quang (hàng mới 100%)	0	16,054,419	0	32,108,838	0	16,054,419	có C/O
2	100539137532/A11/34CE	4/9/2015	8/9/2015	Gạc hút nước tẩy trắng 26x18, 40/40s, khổ 120cm x 2000m, gấp 2 biên (hàng mới 100%)	0	82,890,989	0	165,781,977	0	82,890,989	có C/O
3	100699422241/A11/34CE	7/1/2016	13/01/2016	Gạc hút nước tẩy trắng dùng trong y tế, 40/40, 17 sợi, khổ 120cm x 2000m, 22,5g/m2 (hàng mới 100%)	0	98,486,976	0	196,973,952	0	98,486,976	có C/O
4	100699422241/A11/34CE	7/1/2016	13/01/2016	Gạc hút nước tẩy trắng dùng trong y tế, 40/40, 13 sợi, khổ 120cm x 2000m (hàng mới 100%)	0	1,270,946	0	2,541,892	0	1,270,946	có C/O
5	100767923910/A11/34CE	8/3/2016	10/3/2016	Gạc hút nước tẩy trắng, 40S/26X18, khổ 120cm x 2000m (hàng mới 100%)	0	92,236,392	0	184,472,783	0	92,236,392	có C/O
6	100795621950/A11/34CE	29/3/2016	30/03/2016	Gạc hút nước tẩy trắng, 40S/26X18, khổ 100cm x 2000m (hàng mới 100%)	0	39,845,495	0	79,690,990	0	39,845,495	có C/O
7	100814948030/A11/34CE	13/4/2016	14/04/2016	Gạc hút nước tẩy trắng, 40S/26X18, khổ 100cm x 2000m (hàng mới 100%)	0	86,978,572	0	173,957,145	0	86,978,572	có C/O
8	100814948030/A11/34CE	13/4/2016	14/04/2016	Gạc hút nước tẩy trắng, 40S/26X18, khổ 120cm x 2000m (hàng mới 100%)	0	8,576,289	0	17,152,578	0	8,576,289	có C/O
9	100829425321/A11/34CE	21/4/2016	25/04/2016	Gạc hút nước tẩy trắng, 40S/26X18, khổ 120cm x 2000m (hàng mới 100%)	0	90,150,781	0	180,301,562	0	90,150,781	có C/O
10	100084282100/A12/34CE	30/7/2014	31/07/2014	Dây thun đôi, sợi cao su được bọc bằng vật liệu dệt (Hàng mới 100%)	4,320,716	9,073,503	4,320,716	9,073,503	0	0	có C/O
11	100571789360/A11/34CE	30/9/2015	30/09/2015	Dây thun đôi, sợi cao su được bọc bằng vật liệu dệt (Hàng mới 100%)	3,386,506	7,111,664	8,127,616	7,585,775	4,741,109	474,111	
12	100795617530/A11/34CE	29/3/2016	30/03/2016	Dây thun đôi, dùng để sản xuất mũ con sâu (Hàng mới 100%)	4,948,514	10,391,880	4,948,514	10,391,880	0	0	có C/O

13	101061492820/A11/34CE	6/10/2016	6/10/2016	Dây thun đôi, dùng để sản xuất mũ con sâu (Hàng mới 100%)	2,623,454	5,509,252	6,296,289	5,876,536	3,672,835	367,283	
14	101267656450/A11/34CE	17/2/2017	17/02/2017	Dây thun đôi, dùng để sản xuất mũ con sâu (Hàng mới 100%)	4,999,886	10,499,762	11,999,727	11,199,746	6,999,841	699,984	
15	101479350560/A11/34CE	28/6/2017	28/06/2017	Dây thun đôi, dùng để sản xuất mũ con sâu (Hàng mới 100%)	3,379,918	7,097,827	8,111,802	7,571,016	4,731,885	473,188	
16	101810980022/A11/34CE	12/1/2018	3/4/2018	Dây thun đôi, dùng để sản xuất mũ con sâu (Hàng mới 100%)	0	6,802,190	0	6,802,190	0	0	có C/O
17	101925664151/A11/34CE	28/3/2018	30/03/2018	Dây thun đôi, dùng để sản xuất mũ con sâu (Hàng mới 100%)	0	6,823,927	0	6,823,927	0	0	có C/O
18	102112231761/A11/34CE	13/7/2018	14/07/2018	Dây thun đôi, dùng để sản xuất mũ con sâu (Hàng mới 100%)	0	6,915,102	0	6,915,102	0	0	có C/O
19	102286238501/A11/34CE	23/10/2018	25/10/2018	Dây thun đôi, dùng để sản xuất mũ con sâu (Hàng mới 100%)	0	10,493,463	0	10,493,463	0	0	có C/O
20	100372154300/A11/34CE	22/4/2015	25/04/2015	Túi chỉ thị tiệt trùng, ép dẹp, dạng cuộn, size : 50mm*200m, hàng mới 100%	0	239,863	959,454	287,836	959,454	47,973	
21	100372154300/A11/34CE	22/4/2015	25/04/2015	Túi chỉ thị tiệt trùng, ép dẹp, dạng cuộn, size : 75mm*200m, hàng mới 100%	0	420,069	1,680,274	504,082	1,680,274	84,014	
22	100372154300/A11/34CE	22/4/2015	25/04/2015	Túi chỉ thị tiệt trùng, ép dẹp, dạng cuộn, size : 100mm*200m, hàng mới 100%	0	560,296	2,241,186	672,356	2,241,186	112,059	
23	100372154300/A11/34CE	22/4/2015	25/04/2015	Túi chỉ thị tiệt trùng, ép dẹp, dạng cuộn, size : 250mm*200m, hàng mới 100%	0	1,300,974	5,203,895	1,561,168	5,203,895	260,195	
24	100372154300/A11/34CE	22/4/2015	25/04/2015	Túi chỉ thị tiệt trùng, ép dẹp, dạng cuộn, size : 150mm*200m, hàng mới 100%	0	780,698	3,122,794	936,838	3,122,794	156,140	
25	100372154300/A11/34CE	22/4/2015	25/04/2015	Túi chỉ thị tiệt trùng, ép dẹp, dạng cuộn, size : 300mm*200m, hàng mới 100%	0	1,501,343	6,005,373	1,801,612	6,005,373	300,269	
26	100372154300/A11/34CE	22/4/2015	25/04/2015	Túi chỉ thị tiệt trùng, ép dẹp, dạng cuộn, size : 200mm*200m, hàng mới 100%	0	1,041,122	4,164,487	1,249,346	4,164,487	208,224	
27	100480827050/A11/34CE	21/7/2015	21/07/2015	Túi chỉ thị tiệt trùng, ép dẹp, dạng cuộn, size : 75mm*200m, hàng mới 100%	0	1,144,582	4,578,326	1,373,498	4,578,326	228,916	
28	100480827050/A11/34CE	21/7/2015	21/07/2015	Túi chỉ thị tiệt trùng, ép dẹp, dạng cuộn, size : 100mm*200m, hàng mới 100%	0	1,526,667	6,106,670	1,832,001	6,106,670	305,333	
29	100480827050/A11/34CE	21/7/2015	21/07/2015	Túi chỉ thị tiệt trùng, ép dẹp, dạng cuộn, size : 150mm*200m, hàng mới 100%	0	3,014,262	12,057,047	3,617,114	12,057,047	602,852	
30	100480827050/A11/34CE	21/7/2015	21/07/2015	Túi chỉ thị tiệt trùng, ép dẹp, dạng cuộn, size : 350mm*200m, hàng mới 100%	0	1,582,157	6,328,627	1,898,588	6,328,627	316,431	
31	100505878540/A11/34CE	7/8/2015	10/8/2015	Yếm nha khoa, hàng mới 100%	6,084,003	4,664,403	8,112,005	4,867,203	2,028,001	202,800	

32	100609329700/A11/34CE	30/10/2015	2/11/2015	Túi chỉ thị tiệt trùng, ép dẹp, dạng cuộn, size : 100mm*200m, hàng mới 100%	0	484,161	1,936,645	580,993	1,936,645	96,832	
33	100609329700/A11/34CE	30/10/2015	2/11/2015	Túi chỉ thị tiệt trùng, ép dẹp, dạng cuộn, size : 200mm*200m, hàng mới 100%	0	564,855	2,259,419	677,826	2,259,419	112,971	
34	100609329700/A11/34CE	30/10/2015	2/11/2015	Túi chỉ thị tiệt trùng, ép phồng, dạng cuộn, size : 200mm*100m*65mm, hàng mới 100%	0	739,842	2,959,367	887,810	2,959,367	147,968	
35	100609329700/A11/34CE	30/10/2015	2/11/2015	Túi chỉ thị tiệt trùng, ép phồng, dạng cuộn, size : 300mm*100m*80mm, hàng mới 100%	0	1,387,203	5,548,813	1,664,644	5,548,813	277,441	
36	100342501821/A11/34CE	26/3/2015	30/03/2015	Túi chỉ thị tiệt trùng, ép phồng, dạng cuộn, size : 250mm*100m*70mm, hàng mới 100%	0	18,398	73,592	22,078	73,592	3,680	
37	100342501821/A11/34CE	26/3/2015	30/03/2015	Túi chỉ thị thiệt trùng, size : 90*260mm, hàng mới 100%	0	2,765	11,061	3,318	11,061	553	
38	100342501821/A11/34CE	26/3/2015	30/03/2015	Túi chỉ thị thiệt trùng, size : 190*360mm, hàng mới 100%	0	16,253	32,507	9,752	32,507	-6,501	
39	100342501821/A11/34CE	26/3/2015	30/03/2015	Túi chỉ thị tiệt trùng, ép dẹp, dạng cuộn, size : 50mm*200m, hàng mới 100%	0	4,944	19,775	5,933	19,775	989	
40	100342501821/A11/34CE	26/3/2015	30/03/2015	Túi chỉ thị tiệt trùng, ép dẹp, dạng cuộn, size : 75mm*200m, hàng mới 100%	0	7,427	29,708	8,912	29,708	1,485	
41	100342501821/A11/34CE	26/3/2015	30/03/2015	Túi chỉ thị tiệt trùng, ép dẹp, dạng cuộn, size : 150mm*200m, hàng mới 100%	0	74,325	297,302	89,191	297,302	14,865	
42	100342501821/A11/34CE	26/3/2015	30/03/2015	Túi chỉ thị tiệt trùng, ép dẹp, dạng cuộn, size : 200mm*200m, hàng mới 100%	0	99,101	396,402	118,921	396,402	19,820	
43	100342501821/A11/34CE	26/3/2015	30/03/2015	Túi chỉ thị tiệt trùng, ép dẹp, dạng cuộn, size : 250mm*200m, hàng mới 100%	0	24,775	99,101	29,730	99,101	4,955	
44	100342501821/A11/34CE	26/3/2015	30/03/2015	Túi chỉ thị tiệt trùng, ép dẹp, dạng cuộn, size : 300mm*200m, hàng mới 100%	0	59,460	237,841	71,352	237,841	11,892	
45	100342501821/A11/34CE	26/3/2015	30/03/2015	Túi chỉ thị tiệt trùng, ép phồng, dạng cuộn, size : 100mm*100m*50mm, hàng mới 100%	0	7,619	30,475	9,143	30,475	1,524	
46	100342501821/A11/34CE	26/3/2015	30/03/2015	Túi chỉ thị tiệt trùng, ép phồng, dạng cuộn, size : 150mm*100m*55mm, hàng mới 100%	0	11,174	44,697	13,409	44,697	2,235	
47	100342501821/A11/34CE	26/3/2015	30/03/2015	Túi chỉ thị tiệt trùng Tyvek, dạng cuộn, size : 150mm*100m, hàng mới 100%	0	38,162	152,647	45,794	152,647	7,632	
48	100342501821/A11/34CE	26/3/2015	30/03/2015	Túi chỉ thị tiệt trùng, ép dẹp, dạng cuộn, size : 100mm*200m, hàng mới 100%	0	49,550	198,201	59,460	198,201	9,910	
49	100342501821/A11/34CE	26/3/2015	30/03/2015	Túi chỉ thị tiệt trùng Tyvek, dạng cuộn, size : 200mm*100m, hàng mới 100%	0	48,851	195,402	58,621	195,402	9,770	
50	100342501821/A11/34CE	26/3/2015	30/03/2015	Túi chỉ thị tiệt trùng Tyvek, dạng cuộn, size : 250mm*100m, hàng mới 100%	0	61,063	244,253	73,276	244,253	12,213	
51	100342501821/A11/34CE	26/3/2015	30/03/2015	Yếm nha khoa, bằng giấy phủ Plastic, màu trắng, hàng mới 100%	139,678	107,086	186,237	111,742	46,559	4,656	
52	100342501821/A11/34CE	26/3/2015	30/03/2015	Yếm nha khoa, bằng giấy phủ Plastic, màu xanh blue, hàng mới 100%	139,678	107,086	186,237	111,742	46,559	4,656	
53	100342501821/A11/34CE	26/3/2015	30/03/2015	Yếm nha khoa, bằng giấy phủ Plastic, màu hồng, hàng mới 100%	139,678	107,086	186,237	111,742	46,559	4,656	
54	100342501821/A11/34CE	26/3/2015	30/03/2015	Yếm nha khoa, bằng giấy phủ Plastic, màu xanh green, hàng mới 100%	139,678	107,086	186,237	111,742	46,559	4,656	

55	101034250440/H11/02DS	13/9/2016	14/09/2016	Cầu chì 2A	0	275	688	344	688	69	
56	101033248410/H11/02DS	13/9/2016	14/09/2016	Phụ kiện máy thở Monnal T60: Vỏ bọc màn hình bằng nhựa	0	81,420	56,994	87,120	56,994	5,699	
57	100026119800/A11/34CE	2/6/2014	3/6/2014	Dây thun tròn,dùng để sản xuất khẩu trang y tế, màu trắng (Hàng mới 100%)	2,285,815	4,800,211	2,285,815	4,800,212	0	0	có C/O
58	100187590310/A12/34CE	3/11/2014	4/11/2014	Dây thun tròn,dùng để sản xuất khẩu trang y tế, màu trắng (Hàng mới 100%)	3,965,987	8,328,573	3,965,987	8,328,573	0	0	có C/0
59	100418723530/A11/34CE	29/5/2015	30/0/52015	Dây thun tròn,dùng để sản xuất khẩu trang y tế, màu trắng (Hàng mới 100%)	7,027,333	14,757,400	7,027,333	14,757,400	0	0	có C/0
60	100697750900/A11/34CE	6/1/2016	6/1/2016	Dây thun tròn,dùng để sản xuất khẩu trang y tế, màu trắng (Hàng mới 100%)	4,035,290	8,474,108	0	8,070,579	-4,035,290	-403,529	CÓ C/0
61	100795617530/A11/34CE	29/3/2016	30/03/2016	Dây thun tròn, dùng để sản xuất khẩu trang y tế (Hàng mới 100%)	355,886	747,361	0	711,773	-355,886	-35,589	có C/0
62	100837359452/A11/34CE	27/4/2016	3/6/2016	Dây thun tròn,dùng để sản xuất khẩu trang y tế, màu trắng (Hàng mới 100%)	5,073,013	10,653,327	0	10,146,025	-5,073,013	-507,301	CÓ C/0
63	101093217740/A11/34CE	28/10/2016	31/10/2016	Dây thun tròn,dùng để sản xuất khẩu trang y tế, màu trắng (Hàng mới 100%)	4,864,217	10,214,855	0	9,728,433	-4,864,217	-486,422	CÓ C/0
64	101333978761/A11/34CE	3/4/2017	4/4/2017	Dây thun tròn,dùng để sản xuất khẩu trang y tế, màu trắng, đường kính 2.5 mm (Hàng mới 100%)	4,733,777	9,940,932	0	9,467,555	-4,733,777	-473,378	CÓ C/0
65	101517870640/A11/34CE	21/7/2017	25/07/2017	Dây thun tròn,dùng để sản xuất khẩu trang y tế, màu trắng (Hàng mới 100%)	5,395,730	11,331,033	0	10,791,460	-5,395,730	-539,573	CÓ c/0
66	100853012850/H11/34AB	9/5/2016	10/5/2016	Bảng mạch dùng cho máy thở	0	611122.3	916,683	702,791	916,683	91,668	
	TỔNG				**68,038,756**	**699,054,755**	**134,130,457**	**1,218,785,890**	**66,091,701**	**519,731,135**	

Người lập bảng

Trần Tích Vân

BẢNG TỔNG HỢP CHÊNH LỆCH TỒN KHO GIỮA SỐ LIỆU KHAI BÁO HẢI QUAN VÀ SỐ LIỆU SỔ SÁCH KẾ TOÁN

(Phụ lục II kèm theo Quyết định ấn định thuế số 325/QĐ-HQĐNg ngày 02/5/2019)

STT	Tên, quy cách nguyên vật liệu, hàng hoá	Số tờ khai	Ngày đăng ký	Ngày thông quan	Nguyên liệu tính thuế	Đơn giá bình quân (VNĐ)	Trị giá tính thuế (VNĐ)	Thuế suất thuế NK	Thuế suất thuế GTGT	Tiền thuế NK (VNĐ)	Tiền thuế GTGT (VNĐ)	Ghi chú
1	Vải không dệt không thấm 28g/m2 khổ 246cm, màu vàng	102129772952/E31/34CC	25/07/2018	1/8/2018	(121.7)	42752	5,202,918	12%	10%	624,350	582,727	
2	Vải không dệt không thấm 28g/m2 khổ 240cm, màu vàng	102129772952/E31/34CC	25/07/2018	1/8/2018	(37.0)	41590	1,538,830	12%	10%	184,660	172,349	
3	Vải không dệt không thấm 28g/m2 khổ 246cm, blue	102129772952/E31/34CC	25/07/2018	1/8/2018	(122.4)	42752	5,232,844	12%	10%	627,941	586,079	
4	Vải không dệt không thấm 28g/m2 khổ 240cm, blue	102129772952/E31/34CC	25/07/2018	1/8/2018	(37.6)	41590	1,563,784	12%	10%	187,654	175,144	
5	Bo tay thun, 5.5cmx16cm	101835601560/E31/34CC	29/01/2018	29/01/2018	(10,094.9)	222	2,240,868	20%	10%	448,174	268,904	
TỔNG CỘNG										**2,072,779**	**1,785,202**	

Người lập bảng

Trần Tích Vân